TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 254/2019/LĐ-PT
Ngày: 02/4/2019
V/v tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền

Ông Bùi Liên Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 3 và 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 78/2018/TLPT - LĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 1500/2018/LĐ-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 576/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1366/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1429/2019/QĐ-PT ngày 27/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1988. Địa chỉ: 314 T, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà T2, sinh năm 1982. Địa chỉ : 60/10 Khu phố T, phường P, TA, Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/11/2018)

Bị đơn: Công ty K. Trụ sở: 198 K, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà G. Địa chỉ : 198 K, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 10/2019/NKH/GUQ ngày 26/3/2019).

Người kháng cáo: Bà T – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại cấp sơ thẩm, Nguyên đơn, Bà T có ông D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà T được mời làm việc tại Công ty K (gọi tắt là Công ty K) vào ngày 03/4/2017 với thời gian thử việc là 02 tháng tại vị trí Trợ lý đối ngoại cao cấp. Khi hết thời hạn hai tháng thử việc từ ngày 03/6/2017 Công ty K vẫn không thông báo về kết quả thử việc của bà T. Ngày 23/6/2017, Phòng nhân sự của Công ty K mời bà T họp. Trong cuộc họp, Công ty K đề nghị bà chấm dứt làm việc tại Công ty K và sẽ trả cho bà một tháng lương để ký Thỏa thuận chấm dứt làm việc tại Công ty K. Nếu bà không đồng ý thì Công ty K sẽ gửi thông báo chấm dứt hợp đồng lao động trước 45 ngày. Ngày 30/6/2017, Công ty K tiếp tục mời bà T họp và đưa ra Phiếu đề xuất điều chuyển bà làm Nhân viên chuyên trách. Ngày 13/7/2017, Công ty K khóa máy tính của bà T. Ngày 21/7/2017, Công ty K đã gửi cho bà bản thông báo số 18-TB-NKG/NSHC về việc chấm dứt quan hệ lao động với bà vào ngày 26/7/2017 và yêu cầu bà bàn giao thiết bị, tài sản của Công ty K cũng vào ngày 21/7/2017. Sau đó, bà T đã gửi đơn khiếu nại cho Công ty K và gửi đơn yêu cầu hòa giải cho Phòng lao động Thương binh xã hội Quận B. Vào ngày 15/11/2017 và ngày 20/11/2017, Phòng lao động thương binh xã hội Quận B đã tổ chức hòa giải lần 1 và lần 2 nhưng kết quả hòa giải không thành.

Bà T xác nhận Công ty K chỉ trả lương thử việc bằng 85% của 35.000.000 đồng. Đối với lương tháng 7, thông báo chấm dứt hợp đồng lao động có ghi chấm dứt từ ngày 26/7/2017 nhưng Nguyễn Kim chỉ trả tiền lương đến ngày 21/7/2017. Theo thỏa thuận thì thời gian làm việc một tháng tính là 22 ngày. Thời gian chốt chấm công để tính lương là từ ngày 26 thàng này đến 25 tháng sau. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Tuyên hủy bỏ thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động số: 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2017.

2. Chi trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian thử việc (tháng 4/2017 và 5/2017) theo khoản 3 Điều 186 Bộ luật Lao động năm 2012 là 24.200.000 x 22% = 10.648.000 đồng.

3. Chi trả tiền lương của các ngày phép chưa nghỉ trong năm kể từ tháng 4/2017 đến tháng 7/2017 là 3 ngày với số tiền là 35.000.000/24 x 3 (ngày) = 4.375.000 đồng.

4. Chi trả 15% tiền lương của tháng 4/2017 và tháng 5/2017 mà Công ty K trả thiếu là: 10.500.000 đồng.

5. Chi trả 15% tiền lương mà Công ty K trả thiếu tháng 6/2017 là 5.250.000 đồng và tháng 7/2017 của bà T là: 15.092.045 đồng. Do tháng 6/2017 và tháng 7/2017 bà T đã chuyển làm việc chính thức nhưng Công ty vẫn trả 85%

lương và tháng 7/2017 Công ty chỉ trả lương đến ngày 21/7/2017, tổng là 20.342.045 đồng.

6. Chi trả tiền bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật tính từ tháng 8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 385.000.000 đồng.

7. Chi trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 26.000.000 x 21.5% x 13 tháng = 61.490.000 đồng.

8. Chi trả 02 tháng tiền lương theo khoản 2 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012 là 35.000.000 x 2 tháng = 70.000.000 đồng. Bà T không có yêu cầu Công ty K nhận bà trở lại làm việc.

Tổng cộng: 609.501.982 đồng.

* Bị đơn Công ty K có ông Nguyễn Dạ Ngọc đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty K là một tập đoàn đầu tư đa ngành, lĩnh vực, theo đó trên cơ sở chủ trương của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đầu năm 2017 Công ty K dự kiến thành lập ra một công ty mới để phụ trách mảng đầu tư - kinh doanh bất động sản với tên là Công ty BĐS K. Để triển khai dự án trên, Công ty K đã đứng ra tìm kiếm, thương thảo các chế độ chính sách và tuyển dụng nhân sự cho Công ty BĐS K. Trên cơ sở thỏa thuận với Bà T, Công ty K đã gửi thư mời nhận việc cho Bà T vào ngày 06/3/2017.

Tuy nhiên, do dự án thành lập Công ty BĐS K đang trong giai đoạn nghiên cứu, xây đựng định hướng chiến lược nên sau khi xem xét, Hội đồng quản trị Công ty K đã quyết định chỉ tạm thời giao kết Hợp đồng lao động ngắn hạn (dưới 3 tháng) đối với những người lao động liên quan đến dự án thành lập Công ty BĐS K. Trên cơ sở Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty K, Ban điều hành đã thỏa thuận và giao kết hợp đồng bằng lời nói với những người lao động liên quan đến dự án thành lập Công ty BĐS K. Vì vậy, sau khi hết thời hạn thử việc, Công ty K và Bà T đã giao kết Hợp đồng lao động ngắn hạn, bằng lời nói với thời hạn từ ngày 02/6/2017 đến ngày 20/7/2017. Sau thời gian triển khai, việc thành lập Công ty BĐS K không thành công do không đảm bảo điều kiện về nhân sự, dự án đầu tư, hiệu quả kinh doanh nên Công ty K đã quyết định chấm dứt dự án thành lập Công ty BĐS K (Nghị quyết số 05.2017/NKG/HĐQT/NQ ngày 26/6/2017 của Hội đồng quản trị về việc dừng Dự án thành lập Công ty BĐS K).

Do dự án thành lập Công ty BĐS K chấm dứt, nên Công ty K đã tìm cách sắp xếp công việc mới cho người lao động liên quan đến dự án thành lập Công ty BĐS K. Đối với những trường hợp không sắp xếp được công việc mới Công ty K đã thỏa thuận về việc chấm dứt hợp tác và có chính sách hỗ trợ thích hợp và được những người lao động này chấp thuận. Riêng với trường hợp Bà T, Công ty K đã nhiều lần làm việc sắp xếp, bố trí công việc mới cũng như đề xuất hỗ trợ nhưng bà T đều từ chối vì vậy phía Công ty K căn cứ theo các quy định

của Bộ luật Lao động và tình hình thực tế quyết định chấm dứt quan hệ lao động với bà T bằng thông báo số 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2017 do Hợp đồng lao động của bà T dưới 03 tháng. Vì vậy, việc chấm dứt quan hệ lao động này được Công ty K thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và không thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động như đơn khởi kiện của bà T.

Về phần lương thử việc của bà T, Công ty K đã trả 85% của lương chính thức (35.000.000 đồng), nên bà T cho rằng Công ty K trả thiếu 15% của tháng 4 và tháng 5 năm 2017 là không đúng. Lương tháng 7/2017, Công ty K đã trả cho bà T đến hết ngày 25/7/2017. Theo thỏa thuận thì một tháng làm việc 22 ngày. Thời gian chốt chấm công để tính lương là từ ngày 26 thàng này đến ngày 25 tháng sau.

Việc chấm dứt quan hệ lao động đối với bà T được Công ty K thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và không thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động như đơn khởi kiện của bà T. Do đó, Công ty K không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B phát biểu quan điểm: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng theo qui định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào thư mời nhận việc ngày 06/3/2017 xác định giữa bà T và Công ty K có quan hệ lao động thử việc, khi hết thời gian thử việc hai bên không thỏa thuận ký hợp đồng lao động chính thức nhưng bà T vẫn làm việc tại Nguyễn Kim, công việc của bà T là trợ lý đối ngoại cấp cao cho dự án thành lập Công ty BĐS K nên xác định đây là hợp đồng lao động theo một công việc nhất định. Khi dự án thành lập Công ty BĐS K kết thúc, Công ty K đã chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà T là đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc hủy thông báo chấm dứt hợp đồng lao động và các khoản bồi thường liên quan đến đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Đối với yêu cầu về trả tiền lương còn thiếu và tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian thử việc, tiền phép năm là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 1500/2018/LĐ-ST ngày 08/11/2018 Tòa án nhân dân Quận B đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 16, 22, 85, 86, 96, 114, 186 Bộ luật lao động 2012; Điều 2, 87, 89 Luật Bảo hiểm xã hội 2014; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà T:

- Buộc Công ty K phải thanh toán cho Bà T số tiền tương ứng với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian thử việc 02 tháng (từ ngày 03/4/2017 đến ngày 02/6/2017) là 10.648.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả 15% tiền lương của tháng 04/2017 và tháng 05/2017 là 10.500.000 đồng;

- Buộc Công ty K trả 15% tiền lương của tháng 06/2017 và tháng 07/2017 là 6.801.136 đồng;

- Buộc Công ty K thanh toán số tiền phép năm cho bà T là 4.772.727 đồng.

Tổng số tiền là 32.721.863 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T về việc:

- Tuyên hủy bỏ thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động số 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2017;

- Buộc Công ty K chi trả tiền bồi thường do vi phạm chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 385.000.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 61.490.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả 02 tháng tiền lương theo khoản 2 Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2012 là 70.000.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả tiền lương thiếu của tháng 06/2017 và tháng 07/2017 là 13.540.906 đồng.

Kể từ ngày hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nếu Công ty K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Công ty K còn phải trả cho bà T số tiền lãi trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Công ty K phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 981.655 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 21/11/2018, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo, với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào nghị quyết số 03.2017/NKG/HĐQT/NQ ngày 17/4/2017 của Công ty K là ý chí đơn phương của người sử dụng lao động để kết luận

Công ty K chấm dứt quan hệ lao động với nguyên đơn theo đúng quy định nên bác bỏ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định. Không thể viện dẫn vào ý chí đơn phương của người lao động để bác bỏ quyền và lợi ích của người lao động. Nguyên đơn không đồng ý đối với phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm về việc không chấp nhận một phần các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của Người kháng cáo trình bày: Căn cứ tình hình thực tế, sau thời gian thử việc mà Công ty không ký hợp đồng lao động với người lao động, người lao động cũng không được thông báo kết quả thử việc cũng như không giao kết hợp đồng lao động mới theo đúng quy định của pháp luật. Bà T đương nhiên làm việc chính thức tại Công ty K. Khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, phải tuân thủ về thời hạn báo trước ít nhất là 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn hoặc ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng xác định thời hạn. Tuy nhiên, theo Thông báo số 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2017 thì Công ty chỉ báo trước 5 ngày, Công ty đã vi phạm thời hạn báo trước. Cấp sơ thẩm căn cứ vào Nghị quyết số 03.2017/NKG/HĐQT/NQ ngày 17/4/2017 của Công ty K là ý chí đơn phương của người sử dụng lao động để kết luận Công ty K chấm dứt quan hệ lao động với nguyên đơn là đúng quy định mà không xem xét đến ý chí của người lao động để bác bỏ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không đúng quy định. Do đó, Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết đối với các yêu cầu không được Cấp sơ thẩm chấp nhận:

- Tuyên hủy bỏ thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động số 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2017;

- Buộc Công ty K chi trả tiền bồi thường do vi phạm chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 385.000.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 61.490.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả 02 tháng tiền lương theo khoản 2 Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2012 là 70.000.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả tiền lương thiếu của tháng 06/2017 và tháng 07/2017 là 13.540.906 đồng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với các yêu cầu nói trên và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Sau khi hết thời hạn thử việc, Công ty K và Bà T đã giao kết Hợp đồng lao động ngắn hạn, bằng lời nói với thời hạn từ ngày 02/6/2017 đến ngày 20/7/2017. Sau thời gian triển khai, việc thành lập Công ty BĐS K không thành công do không đảm bảo điều kiện về nhân sự, dự án đầu tư, hiệu quả kinh doanh nên Công ty K đã quyết định chấm dứt dự án thành lập Công ty BĐS K. Công ty K đã thông báo, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng với bà T cũng như nhiều lần làm việc sắp xếp, bố trí công việc mới và đề xuất hỗ trợ nhưng bà T đều từ chối vì vậy phía Công ty K căn cứ theo các quy định của Bộ luật Lao động và tình hình thực tế quyết định chấm dứt quan hệ lao động với bà T bằng thông báo số 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2017. Công ty K đã chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà T là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật lao động, xét thấy Công ty K đã chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà T là đúng quy định, cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với các yêu cầu mà nguyên đơn kháng cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ lao động và việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, căn cứ các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các bên đương sự, thể hiện:

Tháng 3/2017, Công ty K có triển khai dự án thành lập Công ty BĐS K. Để thực hiện dự án này, Công ty K đã tiến hành tuyển dụng một số lao động để phục vụ cho việc thực hiện dự án, trong đó có Bà T.

Về quan hệ hợp đồng lao động, căn cứ vào nội dung Thư mời nhận việc ngày 06/3/2017 xác định giữa bà T và Công ty K đã xác lập quan hệ lao động, loại hợp đồng lao động thử việc; thời hạn 02 tháng bắt đầu từ ngày 03/4/2017; công việc của bà T là trợ lý đối ngoại cấp cao làm việc tại Công ty BĐS K; mức lương là 35 triệu đồng/tháng; tiền thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty.

Bà T xác định bà làm việc tại đơn vị Công ty BĐS K, không phải một bộ phận nào khác, thực hiện các công việc liên quan đến bất động sản. Tại thời điểm này, Công ty BĐS K chưa thành lập và bà T đương nhiên biết rõ mình đang làm việc cho dự án thành lập Công ty BĐS K.

Ngày 17/4/2017, Công ty K đã ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết số 03.2017/NKG/HĐQT/NQ thông qua chính sách sử dụng lao động đối với dự án thành lập Công ty BĐS K với nội dung là chỉ giao kết hợp đồng lao động ngắn hạn (dưới 3 tháng) đối với những người lao động được tuyển dụng cho dự án thành lập Công ty BĐS K trong thời gian chờ Hội đồng quản trị phê duyệt việc thành lập Công ty BĐS K; Trường hợp dự án được phê duyệt thì người đại diện theo pháp luật của Công ty BĐS K có trách nhiệm ký hợp đồng lao động mới với người lao động; Trường hợp dự án không được phê duyệt thì Văn phòng Hội đồng quản trị, Văn phòng Tổng giám đốc và Bộ phận nhân sự có trách nhiệm hỗ trợ Tổng giám đốc dự án bố trí công việc mới cho người lao động liên quan; Trường hợp không bố trí được hoặc người lao động không chấp nhận vị trí công tác mới thì giải quyết theo quy định pháp luật. Do tính chất công việc có liên quan đến dự án thành lập Công ty BĐS K; do đó, cần xác định quan hệ hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động trong trường hợp này là hợp đồng lao động theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động.

Ngày 02/6/2017, hợp đồng thử việc giữa bà T và Công ty K kết thúc. Các bên đương sự đều thừa nhận khi hết thời gian thử việc, hai bên không ký kết hợp đồng bằng văn bản, bà T vẫn tiếp tục làm việc tại dự án thành lập Công ty BĐS K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật lao động, do tính chất hợp đồng là hợp đồng lao động theo một công việc xác định, có thời hạn ngắn hạn dưới 3 tháng như đã phân tích như trên nên ý kiến trình bày của Công ty K xác định giữa bà T và Công ty K đã giao kết hợp đồng lao động ngắn hạn bằng lời nói là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động về hình thức hợp đồng lao động thì đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 3 tháng, các bên có thể giao kết bằng lời nói và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động về hợp đồng lao động theo một công việc xác định.

Ngày 23/6/2017, trước khi dự án kết thúc, theo xác nhận của nguyên đơn cũng như theo nội dung thể hiện tại các Biên bản hòa giải vụ tranh chấp lao động ngày 15/11/2017 và ngày 20/11/2017 do Phòng Lao động Thương binh và xã hội – UBND Quận B lập thì Công ty K có mời bà T họp để thông báo, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động và trả cho bà T 1 tháng lương. Như vậy, trước khi thời hạn thực hiện dự án chấm dứt, Công ty K đã thực hiện việc thông báo cho bà T biết về việc kết thúc thực hiện hợp đồng lao động.

Ngày 26/6/2017, Hội đồng quản trị Công ty K chính thức dừng dự án thành lập Công ty BĐS K thông qua Nghị quyết số 05.2017/NKG/HĐQT/NQ và Biên bản họp hội đồng quản trị về việc dừng dự án thành lập Công ty BĐS K số 25.2017/NKG/HĐQT/BB.

Ngày 30/6/2017, để thông báo về thời hạn công việc của bà T cũng như tạo điều kiện bố trí công việc khác cho bà T khi dừng dự án thành lập Công ty BĐS K nhưng bà T không đồng ý.

Do công việc (dự án thành lập Công ty BĐS K) sẽ không còn thực hiện nên Công ty K đã thực hiện việc thông báo cho bà T biết về việc kết thúc thực hiện hợp đồng lao động ngày 23/6/2017 nên việc Công ty K ban hành Thông báo số 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2017, thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với bà T kể từ ngày 26/7/2017 là không vi phạm về thời hạn báo trước được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Bộ luật lao động. Cấp sơ thẩm xác định Công ty K chấm dứt quan hệ lao động với bà T đúng quy định của pháp luật là có căn cứ. Đồng thời, cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu của bà T về việc tuyên hủy bỏ thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động số 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2018; buộc Công ty K chi trả tiền bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật tính từ tháng 8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 385.000.000 đồng; buộc Công ty K chi trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 61.490.000 đồng và buộc Công ty K chi trả 02 tháng tiền lương theo khoản 2 Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2012 là 70.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu tuyên hủy bỏ thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động số 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2017.

[2.2] Xét các nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn gồm:

- Buộc Công ty K chi trả tiền bồi thường do vi phạm chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 385.000.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 61.490.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả 02 tháng tiền lương theo khoản 2 Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2012 là 70.000.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả tiền lương thiếu của tháng 06/2017 và tháng 07/2017 là 13.540.906 đồng.

Do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty K với Bà T là đúng quy định của pháp luật, việc cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu nói trên của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Hội đồng xét xử không xét đối với phần quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo.

[2.4] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ ngày 30 tháng 12 năm 2016. Người lao động được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[4] Về án phí lao động phúc thẩm: Người lao động không phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn - Bà T.

- Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - Bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 16, 22, 85, 86, 96, 114, 186 Bộ luật lao động 2012;

Căn cứ vào Điều 2, 87, 89 Luật Bảo hiểm xã hội 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà T:

- Buộc Công ty K phải thanh toán cho Bà T số tiền tương ứng với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian thử việc 02 tháng (từ ngày 03/4/2017 đến ngày 02/6/2017) là 10.648.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả 15% tiền lương của tháng 04/2017 và tháng 05/2017 là 10.500.000 đồng;

- Buộc Công ty K trả 15% tiền lương của tháng 06/2017 và tháng 07/2017 là 6.801.136 đồng;

- Buộc Công ty K thanh toán số tiền phép năm cho bà T là 4.772.727 đồng.

Tổng số tiền là 32.721.863 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T về việc:

- Tuyên hủy bỏ thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động số 18/TB-NKG/NSHC ngày 21/7/2017;

- Buộc Công ty K chi trả tiền bồi thường do vi phạm chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 385.000.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định của pháp luật là 61.490.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả 02 tháng tiền lương theo khoản 2 Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2012 là 70.000.000 đồng;

- Buộc Công ty K chi trả tiền lương thiếu của tháng 06/2017 và tháng 07/2017 là 13.540.906 đồng.

Kể từ ngày hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nếu Công ty K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Công ty K còn phải trả cho bà T số tiền lãi trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Công ty K phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 981.655 đồng.

Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn Bà T được miễn nộp toàn bộ án phí lao động phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tài